

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SÔNG HỒNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý II năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	30/06/2012	01/01/2012
	Tài sản			
100	A Tài sản ngắn hạn		325,284,797,216	293,940,094,508
110	I Tiền và các khoản tương đương tiền	3	2,679,433,816	6,042,808,936
111	1 Tiền		2,679,433,816	6,042,808,936
112	2 Các khoản tương đương tiền		-	-
120	II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	64,400,000,000	54,320,000,000
121	1 Đầu tư ngắn hạn		80 260 000 000	70 180 000 000
129	2 Dự phòng giảm giá C.khoán đầu tư ngắn hạn (*)		(15,860,000,000)	(15,860,000,000)
130	III Các khoản phải thu ngắn hạn		87,871,295,188	69,280,577,359
131	1 Phải thu của khách hàng		50,950,774,245	37,796,614,919
132	2 Trả trước cho người bán		25,494,670,266	19,604,598,110
133	3 Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	-
134	4 Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD		-	-
135	5 Các khoản phải thu khác	5	11,755,244,427	12,208,758,080
139	6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(329,393,750)	(329,393,750)
140	IV Hàng tồn kho		151,335,792,606	148,316,712,792
141	1 Hàng tồn kho.	6	151,335,792,606	148,316,712,792
149	2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V Tài sản ngắn hạn khác		18,998,275,606	15,979,995,421
151	1 Chi phí trả trước ngắn hạn		244,547,444	244,547,444
152	2 Thuế GTGT được khấu trừ		8,390,809,898	4,600,946,617
153	3 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		-	797,444,822
158	4 Tài sản ngắn hạn khác	7	10,362,918,264	10,337,056,538
200	B Tài sản dài hạn		82,349,299,959	68,733,566,964
210	I Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II Tài sản cố định		39,167,547,359	31,551,814,364
221	1 Tài sản cố định hữu hình	8	8,835,251,157	9,252,438,638
222	- Nguyên giá		12,983,104,665	12,983,104,665
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(4,147,853,508)	(3,730,666,027)
224	2 Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
227	3 Tài sản cố định vô hình	9	2,659,090,950	2,659,090,950
228	- Nguyên giá		2,659,090,950	2,659,090,950
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		-	-
230	4 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	27,673,205,252	19,640,284,776
240	III Bất động sản đầu tư		-	-
250	IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		43,181,752,600	37,181,752,600
251	1 Đầu tư vào công ty con	11	15,300,000,000	15,300,000,000
252	2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	12	21,181,752,600	15,181,752,600
258	3 Đầu tư dài hạn khác	13	6,700,000,000	6,700,000,000
259	4 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)		-	-
260	V Tài sản dài hạn khác		-	-
270	Tổng cộng tài sản		407,634,097,175	362,673,661,472

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	30/06/2012	01/01/2012
	Nguồn vốn			
300	A Nợ phải trả		154,487,219,064	94,628,394,598
310	I Nợ ngắn hạn		154,305,177,987	94,438,211,221
311	1 Vay và nợ ngắn hạn	14	44,224,242,300	-
312	2 Phải trả cho người bán		37,415,849,262	34,649,812,627
313	3 Người mua trả tiền trước		369,336,419	258,538,419
314	4 Thuế & các khoản phải nộp Nhà nước	15	1,919,060,441	101,974,544
315	5 Phải trả người lao động		326,673,228	504,013,636
316	6 Chi phí phải trả	16	5,656,318,786	31,072,356,918
317	7 Phải trả nội bộ		-	-
318	8 Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD		-	-
319	9 Các khoản phải trả, phải nộp khác	17	60,482,054,640	25,295,844,752
320	10 Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
323	11 Quỹ khen thưởng, phúc lợi		3,911,642,911	2,555,670,325
330	II Nợ dài hạn		182,041,077	190,183,377
331	1 Phải trả dài hạn người bán		-	-
332	2 Phải trả dài hạn nội bộ		-	-
333	3 Phải trả dài hạn khác		-	-
334	4 Vay và nợ dài hạn		-	-
335	5 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		-	-
336	6 Dự phòng trợ cấp mất việc làm		182,041,077	190,183,377
337	7 Dự phòng phải trả dài hạn		-	-
338	8 Doanh thu chưa thực hiện		-	-
339	9 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		-	-
400	B Nguồn vốn chủ sở hữu		253,146,878,111	268,045,266,874
410	I Vốn chủ sở hữu	18	253,146,878,111	268,045,266,874
411	1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu		200,000,000,000	200,000,000,000
412	2 Thặng dư vốn cổ phần		22,123,458,400	22,123,458,400
413	3 Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
414	4 Cổ phiếu quỹ (*)		-	-
415	5 Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
416	6 Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
417	7 Quỹ đầu tư phát triển		14,256,959,176	11,599,087,167
418	8 Quỹ dự phòng tài chính		7,113,479,588	5,784,543,584
419	9 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
420	10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		9,652,980,947	28,538,177,723
421	11 Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		-	-
430	II Nguồn kinh phí, Quỹ khác			
	Tổng cộng nguồn vốn		407,634,097,175	362,673,661,472

Ghi chú: Số liệu trong các chỉ tiêu có dấu (*) được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn.

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

TT	Chỉ tiêu	Thuyết minh	6/30/2012	1/1/2012
1	Tài sản thuê ngoài		-	-
2	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4	Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5	Ngoại tệ các loại (USD)		-	-
6	Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2012

Lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Lương Thị Ánh Phương

Nông Thị Thu Trang

Nguyễn Thanh Tùng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý II năm 2012

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý II	
			Từ 01.04.2012 đến 30.06.2012	Từ 01.04.2011 đến 30.06.2011	Từ 01.01.2012 đến 30.06.2012	Từ 01.01.2011 đến 30.06.2011
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	5,216,344,603	15,450,319,667	42,819,438,035	20,846,480,042
02	Các khoản giảm trừ		-	-	-	-
10	Doanh thu thuần về bán hàng, cung cấp dịch vụ		5,216,344,603	15,450,319,667	42,819,438,035	20,846,480,042
11	Giá vốn hàng bán	19	3,003,278,167	15,353,049,031	35,550,901,955	20,704,214,608
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		2,213,066,436	97,270,636	7,268,536,080	142,265,434
21	Doanh thu hoạt động tài chính	20	6,745,421,546	22,814,133,357	7,453,520,255	36,711,243,463
22	Chi phí hoạt động tài chính		-	-	-	-
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-	-	-
24	Chi phí bán hàng		-	-	-	-
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp		2,011,386,190	2,348,116,177	3,861,328,675	4,187,703,562
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		6,947,101,792	20,563,287,816	10,860,727,660	32,665,805,335
31	Thu nhập khác		-	2,221	-	375,002,221
32	Chi phí khác		-	397,178,229	2,750,000	397,304,154
40	Lợi nhuận khác		-	(397,176,008)	(2,750,000)	(22,301,933)
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		6,947,101,792	20,166,111,808	10,857,977,660	32,643,503,402
51	Chi phí thuế thu nhập hiện hành	21	1,736,775,448	487,779,881	2,714,494,415	1,657,127,780
52	Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		-	-	-	-
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	22	5,210,326,344	19,678,331,927	8,143,483,245	30,986,375,622

Hà nội ngày 18 tháng 07 năm 2012

Lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Lương Thị Ánh Phượng

Nông Thị Thu Trang

Nguyễn Thanh Tùng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Quý II năm 2012
(Theo phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Từ 01.01.2012 đến 30.06.2012	Từ 01.01.2011 đến 30.06.2011
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		(7,065,529,769)	(746,958,996)
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		14,962,874,756	29,477,079,582
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá dịch vụ		(12,119,658,107)	(11,503,162,319)
3. Tiền chi trả cho người lao động		(2,453,294,209)	(3,828,993,715)
4. Tiền chi trả lãi vay			
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp			(2,226,744,424)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		2,046,644,127	23,700,999,907
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(9,502,096,336)	(36,366,138,027)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(7,065,529,769)	(746,958,996)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		(40,522,087,651)	33,711,243,463
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(34,522,087,651)	
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
5. Tiền chi góp vốn đầu tư vào các đơn vị khác		(6,000,000,000)	(3,000,000,000)
6. Tiền thu hồi từ góp vốn đầu tư vào các đơn vị khác		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia			36,711,243,463
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(40,522,087,651)	33,711,243,463
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		44,224,242,300	(32,913,556,031)
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		49,329,242,300	
4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(5,105,000,000)	
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		44,224,242,300	(32,913,556,031)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(3,363,375,120)	50,728,436
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		6,042,808,936	6,710,155,045
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		2,679,433,816	6,760,883,481

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Lương Thị Ánh Phương

Nông Thị Thu Trang

Nguyễn Thanh Tùng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm 2012

1 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

Hình thức sở hữu vốn.

Công ty cổ phần Xây dựng Sông Hồng là công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 257/QĐ-BXD ngày 21 tháng 02 năm 2006 và Quyết định số 747/QĐ-BXD ngày 09 tháng 05 năm 2006 (sửa đổi Quyết định 257/QĐ-BXD) của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Trụ sở chính của Công ty tại 164 Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là đầu tư dự án và thi công các công trình xây dựng

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy đăng ký doanh nghiệp số 0100107042 ngày 17 tháng 04 năm 2006 (đăng ký lại lần thứ 8 ngày 17.09.2010) do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp; Thiết kế kiến trúc tổng mặt bằng nội, ngoại thất: đối với công trình dân dụng công nghiệp;
- Thiết kế quy hoạch chung; quy hoạch tổng thể, chi tiết đối với khu đô thị, khu dân cư; Thiết kế san nền hệ thống thoát nước, đường nội bộ vào khu đô thị, khu dân cư, khu công nghiệp;
- Thiết kế quy hoạch điện đô thị, nông nghiệp, xí nghiệp; Thiết kế cấp điện, chống sét đối với công trình xây dựng, dân dụng công nghiệp; Giám sát thi công xây dựng công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp; Khảo sát địa chất công trình xây dựng
- Tư vấn thẩm tra, thẩm định, quy hoạch dự án đầu tư, kỹ thuật, bản vẽ thi công và tổng dự toán các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, kỹ thuật hạ tầng đô thị và nội, ngoại thất; Kiểm định chất lượng công trình, thí nghiệm xây dựng;
- Thi công xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật, công trình ngầm, công trình và hệ thống điện, viễn thông và các công trình kỹ thuật khác, hoàn thiện công trình xây dựng;
- Khoan phá bê tông, phá dỡ công trình xây dựng, di chuyển nhà cửa; Tư vấn đầu tư (không bao gồm du lịch);
- Đầu tư kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng. Kinh doanh ăn uống. Kinh doanh lễ hành và các dịch vụ phục vụ khách du lịch (không bao gồm kinh doanh vũ trường, quán bar, phòng hát karaoke);
- Đầu tư kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê. Môi giới, đấu giá bất động sản (không bao gồm dịch vụ tư vấn giá đất);
- Kinh doanh thiết bị dân dụng, công nghiệp, y tế, nguyên liệu, than, chất đốt; Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm gốm sứ, vật liệu xây dựng, sắt thép;

- Kinh doanh vận tải đường sắt, đường bộ, đường thủy, và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải; Cho thuê phương tiện vận tải, cho thuê thiết bị xây dựng hoặc thiết bị phá dỡ có kèm người điều khiển;
- Sửa chữa lắp đặt, bảo trì, bảo dưỡng, cung cấp phụ tùng thay thế máy móc, thiết bị phục vụ ngành công, nông nghiệp, giao thông, vận tải, khai thác mỏ, cơ khí, thủy lợi, thủy điện, tự động hóa;
- Khai thác và chế biến khoáng sản, nông, lâm sản, thực phẩm, đồ gỗ dân dụng và công nghiệp, khai thác quặng kim loại đen phục vụ luyện gang thép, khai thác đá, cát, sỏi, đất sét và cao lanh (trừ loại khoáng sản Nhà nước cấm).
- Kinh doanh nhập khẩu các loại hàng hóa, thiết bị vật tư, vật liệu xây dựng, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, nông, lâm sản, thực phẩm, rượu bia, nước giải khát có cồn và có ga.
- Sàn giao dịch bất động sản; Định giá bất động sản; Tư vấn bất động sản; Quảng cáo bất động sản; Quản lý bất động sản;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính: các dịch vụ ủy thác, giám sát trên cơ sở phí và hợp đồng.

2 Chế độ và chính sách kế toán áp dụng tại Công ty

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, của Bộ Tài chính và các văn bản sửa đổi, hướng dẫn kèm theo.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty đang áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc

thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp đích danh đối với chi phí công trình dở dang, theo phương pháp bình quân đối với nguyên vật liệu. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ được xác định cho từng công trình, hạng mục công trình như sau:

Đối với các công trình còn dở dang đến 30/06/2012 thì

$$\text{Chi phí SXKD dở dang cuối kỳ từng CT, HMCT} = \text{Chi phí SXKD dở dang đầu kỳ từng CT, HMCT} + \text{Chi phí SXKD phát sinh trong kỳ từng CT, HMCT}$$

Đối với các công trình, hạng mục công trình đã hoàn thành đã có quyết toán A-B hoặc có biên bản xác nhận khối lượng xây dựng cơ bản hoàn thành, thì:

$$\text{Chi phí dở dang cuối kỳ từng CT, HMCT} = \text{Chi phí dở dang đầu kỳ từng CT, HMCT} + \text{Chi phí phát sinh trong kỳ từng CT, HMCT} - \text{Giá thành định mức từng CT, HMCT}$$

Trong đó:

$$\text{Giá thành định mức từng CT, HCMT} = \text{Doanh thu ghi nhận từng CT, HCMT} \times \text{Tỷ lệ giao thầu cho từng CT, HCMT}$$

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	03-06	Năm
- Phương tiện vận tải	05-06	Năm
- Thiết bị văn phòng	03-05	Năm

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan đến quá trình làm thủ tục vay.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ Công ty con, Công ty liên kết được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và

được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào Công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của Công ty liên doanh. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước.

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch. Các khoản phải trả và chi phí trích trước cũng được Công ty sử dụng để ghi nhận số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ Công ty đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn từ nhà cung cấp hay chưa.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Căn cứ để hạch toán doanh thu là Quyết toán A-B đối với các Công trình hoàn thành nghiệm thu hoặc Bản xác nhận khối lượng xây dựng cơ bản hoàn thành theo từng giai đoạn đối với các công trình có thời gian thi công dài. Giá trị hạch toán doanh thu là giá trị quyết toán công trình (không bao gồm thuế GTGT) mà Công ty được hưởng. Giá trị này không bao gồm các khoản vật liệu do chủ đầu tư cấp và các chi phí kiến thiết cơ bản khác do chủ đầu tư thực hiện

Doanh thu căn hộ:

Đối với các căn hộ mà Công ty bán sau khi đã xây dựng hoàn tất, doanh thu và giá vốn được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã chuyển giao cho người mua. Đối với các căn hộ được bán trước khi xây dựng hoàn tất theo đó Công ty có nghĩa vụ xây dựng và hoàn tất và người mua thanh toán tiền theo tiến độ xây dựng, đồng thời chấp nhận các lợi ích và rủi ro từ những biến động trên thị trường thì doanh thu và giá vốn được ghi nhận theo tỷ lệ hoàn thành của công việc xây dựng vào ngày kết thúc năm tài chính. Giá vốn của các căn hộ được bán trước khi xây dựng hoàn tất được xác định căn cứ vào các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến đất đai và chi phí xây dựng ước tính để hoàn thành dự án căn hộ. Chi phí ước tính để xây dựng căn hộ được trích trước và các chi phí thực tế sẽ được ghi giảm vào tài khoản này.

Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu

hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính
- Chi phí cho vay và đi vay vốn
- Các khoản lỗ do chênh lệch tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành (25%).

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Theo Nghị quyết 34/2007/NQ-CP ngày 03/07/2007 của Chính Phủ về một số giải pháp để thực hiện việc cải tạo, xây dựng lại các chung cư cũ bị hư hỏng, xuống cấp, phần thu nhập của Công ty do việc đầu tư cải tạo khu tập thể Kim Liên cũ thuộc diện được miễn thuế thu nhập trong 4 năm và giảm 50% thuế TNDN phải nộp cho 04 năm tiếp theo.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế

3 Tiền và tương đương tiền

	6/30/2012	1/1/2012
	VND	VND
Tiền mặt	1,719,350,579	3,802,292,000
Tiền gửi ngân hàng	960,083,237	2,240,516,936
Cộng	2,679,433,816	6,042,808,936

4 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	6/30/2012	1/1/2012
	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn khác	54,260,000,000	44,180,000,000
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	26,000,000,000	26,000,000,000
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(15,860,000,000)	(15,860,000,000)
Cộng	64,400,000,000	54,320,000,000

5 Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	6/30/2012	1/1/2012
	VND	VND
Phải thu khác	3,703,955,292	3,919,468,255
Phải trả phải nộp khác (dư nợ)	8,051,289,135	8,289,289,825
Cộng	11,755,244,427	12,208,758,080

6 Hàng tồn kho

	6/30/2012	1/1/2012
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	-	-
Công cụ dụng cụ	-	-
Chi phí xây lắp dở dang tại các công trình	151,335,792,606	148,316,712,792
Thành phẩm	-	-
Hàng hóa	-	-
Cộng	151,335,792,606	148,316,712,792

7 Tài sản ngắn hạn khác

	6/30/2012	1/1/2012
	VND	VND
Tạm ứng	10,362,918,264	10,337,056,538
Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn	-	-
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	-
Cộng	10,362,918,264	10,337,056,538

8 Tài sản cố định hữu hình (phụ lục 1)

9 Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, Phần mềm phát minh máy tính		TSCĐ vô hình khác	Cộng TSCĐ vô hình
I. Nguyên giá TSCĐ					
1. Số dư đầu năm	2,659,090,950	-	-		2,659,090,950
2. Số tăng trong năm					
3. Số giảm trong năm					
4. Số dư cuối năm	2,659,090,950	-	-	-	2,659,090,950
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
1. Số dư đầu năm	-	-	-		
2. Khấu hao trong năm					
3. Giảm trong năm					
4. Số dư cuối năm	-	-	-	-	-
III. Giá trị còn lại TSCĐ					
1. Tại ngày đầu năm	2,659,090,950	-	-	-	2,659,090,950
2. Tại ngày cuối năm	2,659,090,950	-	-	-	2,659,090,950

10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	6/30/2012 VND	1/1/2012 VND
Xây dựng cơ bản dở dang	27,665,067,979	19,640,284,776
<i>Công trình : Dự án Hà Đông</i>	39,831,769	39,831,769
<i>Công trình : Dự án Kim Liên giai đoạn II</i>	121,371,818	121,371,818
<i>Công trình : Dự án Đông Anh</i>	17,834,760	17,834,760
<i>Công trình : Dự án Chợ Xuân La</i>	19,453,445,238	19,441,264,611
<i>Công trình : Dự án B4 Kim Liên</i>	8,012,602,576	-
<i>Công trình : Dự án Giải Phóng</i>	19,981,818	19,981,818
Cộng	27,673,205,252	19,640,284,776

11 Đầu tư vào Công ty con

	6/30/2012 VND	1/1/2012 VND
Đầu tư cổ phiếu (*)	15,300,000,000	15,300,000,000
<i>Công ty cổ phần Thương mại Hàng Da</i>	15,300,000,000	15,300,000,000
Cộng	15,300,000,000	15,300,000,000

12 Đầu tư vào Công ty liên kết

	6/30/2012 VND	1/1/2012 VND
Tên Công ty liên kết (*)	21,181,752,600	15,181,752,600
<i>Công ty cổ phần Đầu tư IP Việt Nam</i>	18,000,000,000	12,000,000,000
<i>Công ty cổ phần Đầu tư IT Việt Nam</i>	3,181,752,600	3,181,752,600
Cộng	21,181,752,600	15,181,752,600

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SÔNG HỒNG

Địa chỉ: Số 164 Lò Đúc - Hai Bà Trưng - Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2012

(*) Công ty cổ phần Xây dựng Sông Hồng tham gia góp vốn thành lập các Công ty liên kết theo giá gốc và đều tham gia vào quá trình sản xuất kinh của các Công ty liên kết này. Tại thời điểm này, các Công ty liên kết trên vẫn đang trong quá trình đầu tư.

13 Đầu tư dài hạn khác

	6/30/2012	1/1/2012
	VND	VND
Tên Công ty nhận đầu tư	6,700,000,000	6,700,000,000
<i>Công ty cổ phần Điện lực dầu khí Bắc Kạn</i>	<i>2,800,000,000</i>	<i>2,800,000,000</i>
<i>Công ty CP tư vấn Incomex</i>	<i>900,000,000</i>	<i>900,000,000</i>
<i>Công ty CP Đầu tư Thương mại và Dầu khí Sông Hồng</i>	<i>3,000,000,000</i>	<i>3,000,000,000</i>
Cộng	<u>6,700,000,000</u>	<u>6,700,000,000</u>

14 Vay và nợ ngắn hạn

	6/30/2012	1/1/2012
	VND	VND
Vay ngắn hạn	44,224,242,300	-
<i>Vay Ngân hàng</i>	<i>44,224,242,300</i>	<i>-</i>
<i>Vay ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hà Nội</i>	<i>44,224,242,300</i>	<i>-</i>
Cộng	<u>44,224,242,300</u>	<u>-</u>

15 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	6/30/2012	1/1/2012
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1,917,049,593	-
Thuế khác	2,010,848	2,010,848
Thuế thu nhập cá nhân	-	99,963,696
Cộng	<u>1,919,060,441</u>	<u>101,974,544</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế

16 Chi phí phải trả

	6/30/2012	1/1/2012
	VND	VND
Chi phí sản xuất kinh doanh đã phát sinh chưa có hóa đơn	5,656,318,786	31,072,356,918
Cộng	<u>5,656,318,786</u>	<u>31,072,356,918</u>

17 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	6/30/2012	1/1/2012
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	4,673,983	4,673,983
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	43,851,324	995,432
Nhận vốn góp kinh doanh dự án Xuân La	10,500,000,000	10,500,000,000
Các khoản phải thu khác (dư có)	31,115,198	31,115,198
Bảo hiểm thất nghiệp	6,009,512	54,368
Các khoản phải trả, phải nộp khác	49,896,404,623	14,759,005,771
Cộng	<u>60,482,054,640</u>	<u>25,295,844,752</u>

18 Vốn chủ sở hữu

18.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu (phụ lục 2)

18.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	6/30/2012 VND	1/1/2012 VND
Vốn góp của Nhà nước		
Vốn góp của đối tượng khác	200,000,000,000	200,000,000,000
Cộng	200,000,000,000	200,000,000,000

18.3 Các giao dịch về vốn.

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	200,000,000,000	200,000,000,000
+ Vốn góp đầu năm	200,000,000,000	200,000,000,000
+ Vốn góp tăng trong năm		
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	200,000,000,000	200,000,000,000

18.4 Cổ tức

18.5 Cổ phiếu

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	20,000,000	20,000,000
- Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	20,000,000	20,000,000
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	20,000,000	20,000,000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
- Số lượng cổ phiếu được mua lại		
+ <i>Cổ phiếu thường</i>		
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20,000,000	20,000,000
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	20,000,000	20,000,000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		

Mệnh giá 10.000 VNĐ/Cổ phiếu

19 Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<i>Quý II năm nay</i> VND	<i>Quý II năm trước</i> VND
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	5,216,344,603	15,450,319,667
Cộng	5,216,344,603	15,450,319,667

20 Giá vốn hàng bán

	<i>Quý II năm nay</i>	<i>Quý II năm trước</i>
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa dịch vụ đã cung cấp	3,003,278,167	15,353,049,031
Cộng	3,003,278,167	15,353,049,031

21 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Quý II năm nay</i>	<i>Quý II năm trước</i>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1,338,545,418	6,097,110,106
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	5,406,876,128	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia		7,800,000,000
Lãi bán ngoại tệ	-	-
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá	-	-
Lãi bán hàng trả chậm	-	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-
Cộng	6,745,421,546	13,897,110,106

22 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	<i>Quý II năm nay</i>	<i>Quý II năm trước</i>
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành	1,736,775,448	487,779,881
Điều chỉnh thuế TNDN các năm trước và kỳ hiện hành	-	-
Cộng	1,736,775,448	487,779,881

23 Những thông tin khác

1 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn Kế toán và Kiểm toán Việt Nam.

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Lương Thị Ánh Phượng

Nông Thị Thu Trang

Nguyễn Thanh Tùng

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SÔNG HỒNG

Địa chỉ: Số 164 Lò Đúc - Hai Bà Trưng - Hà nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2012

8. Tài sản cố định hữu hình.

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	PT vận tải truyền dẫn	TB, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng TSCĐ hữu hình
I. Nguyên giá TSCĐ						
1. Số dư đầu năm	8,670,828,831		2,803,625,097	1,352,165,619	156,485,118	12,983,104,665
2. Số tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Mua sắm mới		-				-
- Tặng khác		-	-	-		-
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-					-
- Giảm khác		-	-	-		-
4. Số dư cuối kỳ	8,670,828,831		2,803,625,097	1,352,165,619	156,485,118	12,983,104,665
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
1. Số dư đầu kỳ	1,195,474,259		1,087,022,460	1,322,678,245	125,491,063	3,730,666,027
2. Khấu hao trong kỳ	173,244,828		233,635,422	6,435,673	3,871,558	417,187,481
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-					-
- Giảm khác	-	-	-	-		-
4. Số dư cuối năm	1,368,719,087		1,320,657,882	1,329,113,918	129,362,621	4,147,853,508
III. Giá trị còn lại TSCĐ						
1. Tại ngày đầu năm	7,475,354,572	-	1,716,602,637	29,487,374	30,994,055	9,252,438,638
2. Tại ngày cuối kỳ	7,302,109,744	-	1,482,967,215	23,051,701	27,122,497	8,835,251,157

Trong đó giá trị TSCĐ mang thế chấp, cầm cố - đ

Nguyên giá TSCĐ đã hết khấu hao còn sử dụng 1,339,562,251 đ

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SÔNG HỒNG

Địa chỉ: Số 164 Lò Đúc - Hai Bà Trưng - Hà nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2012

18. Vốn chủ sở hữu**18.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư Vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng vốn chủ sở hữu
Số dư đầu năm trước	200,000,000,000	22,223,458,400	7,015,953,617	3,492,976,809	47,567,196,633	280,299,585,459
Tăng vốn trong năm trước						
Lãi trong năm trước					34,078,720,092	34,078,720,092
Tăng khác			4,583,133,550	2,291,566,775		6,874,700,325
Giảm vốn trong năm trước						-
Lỗ trong năm trước						-
Giảm khác		100,000,000			53,107,739,002	53,207,739,002
Số dư cuối năm trước	200,000,000,000	22,123,458,400	11,599,087,167	5,784,543,584	28,538,177,723	268,045,266,874
Số dư đầu năm nay	200,000,000,000	22,123,458,400	11,599,087,167	5,784,543,584	28,538,177,723	268,045,266,874
Tăng vốn trong năm nay						-
Lãi trong năm nay					8,143,483,245	8,143,483,245
Tăng khác			2,657,872,009	1,328,936,004		3,986,808,013
Giảm vốn trong năm nay						-
Lỗ trong năm nay						-
Giảm khác					27,028,680,021	27,028,680,021
Số dư cuối năm nay	200,000,000,000	22,123,458,400	14,256,959,176	7,113,479,588	9,652,980,947	253,146,878,111